



dà míng

大名

noun · great name; your name (polite)

Example Sentences

Qǐng wèn nín de dà míng shì shén me

请问您的大名是什么?

May I ask what your name is?

tā zài xué shù jiè hěn yǒu dà míng

他在学术界很有大名。

He has a great reputation in academia.

Trace each character, then write the word on your own.

大 大 大 大 大 大

名 名 名 名 名 名 名 名 名